

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HỒNG NGỰ
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 32/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 20-9-2019
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HỒNG NGỰ, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Dung.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Tuấn Lam.

2. Ông Lâm Văn Bình.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hồ Thị Y Phụng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông Trần Thái Hưng – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 164/2019/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 6 năm 2019, về ly hôn, tranh chấp về nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 72/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 8 năm 2019, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Bùi Thị H, sinh năm 1994. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: ấp C, xã L, huyện T, tỉnh V. Chỗ ở hiện nay: 17/5/8 Lương Minh N, phường H, quận T, Thành phố H. Có mặt.

2. *Bị đơn:* Anh Đinh Văn T, sinh năm 1990. Địa chỉ cư trú: ấp 1, xã 2, huyện HN, tỉnh Đ. Vắng mặt.

3. *Người làm chứng:*

3.1 Bà Trần Thị H, sinh năm 1974. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: ấp C, xã L, huyện T, tỉnh V. Chỗ ở hiện nay: 17/5/8 Lương Minh N, phường H, quận T, Thành phố H. Có mặt.

3.2 Bà Phan Thị V, sinh năm 1944. Địa chỉ cư trú: ấp 1, xã 2, huyện HN, tỉnh Đ. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 16/5/2019 trong quá trình tiến hành tố tụng và tại phiên tòa sơ thẩm. Nguyên đơn chị Bùi Thị H, trình bày:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Đinh Văn T cưới nhau vào ngày 29/02/2016 âm lịch, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã 2, huyện HN, tỉnh Đ. Hôn nhân do tự tìm hiểu trước được 04 tháng. Sau khi cưới chị và anh T sống cùng gia đình anh T được 01 năm thì lên Thành phố H làm và sinh sống cùng gia đình chị. Trong quá trình chung sống chị và anh T cũng thường xuyên cãi nhau và anh T hai lần bỏ ra ngoài ở riêng, lần thứ nhất chị khuyên bảo thì anh T trở về còn lần thứ hai là đầu năm 2019 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn anh T bỏ đi cho đến nay. Nguyên nhân là chị đi làm về thấy anh T ở nhà nhưng không chịu trông con mà bỏ đi uống rượu nên vợ chồng cãi nhau, anh T không lo làm ăn nên vợ chồng cũng mâu thuẫn chuyện tiền bạc, mỗi lần chị và anh T cãi nhau cha mẹ ruột chị có khuyên can thì anh T cãi lại cha mẹ chị. Ngoài ra, vợ chồng không còn mâu thuẫn nào khác. Từ đầu năm 2019 cho đến nay thì chị và anh T không có gặp nhau để hàn gắn tình cảm nhưng trong quá trình chị nộp đơn yêu cầu ly hôn thì anh T thường xuyên nhắn tin chửi và đe dọa chị. Nay tình cảm vợ chồng không còn nữa, chị yêu cầu được ly hôn với anh Đinh Văn T.

2. Về việc nuôi con: Chị và anh T chung sống có một con chung là Đinh Văn T, sinh ngày 09/8/2016, hiện con chung sống cùng chị, khi chị đi làm thì con chung được gửi nhà trẻ, từ khi anh T bỏ đi thì không về thăm hay gọi điện thoại hỏi thăm con, cũng không có gửi tiền cho chị để nuôi dưỡng con chung. Hiện chị làm tại Công ty bất động sản thu nhập mỗi tháng khoảng 10.000.000đ, trừ chi phí sinh hoạt cá nhân thì còn lại khoảng 6.000.000đ - 7.000.000đ đủ chị nuôi dưỡng con chung còn anh T không có công việc ổn định, ngày làm ngày nghỉ nên không biết thu nhập mỗi tháng bao nhiêu và anh T cũng không có khả năng cấp dưỡng nuôi con. Chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung và tự nguyện không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Chị và anh T có tài sản chung là những thứ lặt vặt không đáng giá và vài chỉ vàng nên chị và anh T đã tự thỏa thuận xong, không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết, cũng không yêu cầu Tòa án ghi nhận trong bản án, quyết định của Tòa án.

4. Về nợ chung: Chị và anh T chung sống không có thiếu nợ ai cũng không ai nợ vợ chồng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình tiến hành tố tụng. Bị đơn anh Đinh Văn T đã được Tòa án tiến hành tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và anh T không có mặt để tham gia hòa giải cũng như tham gia phiên tòa nhưng anh T có gửi “Biên bản cam kết ngày 04.6.2019” trình bày ý kiến của mình cho Tòa án qua dịch vụ bưu chính nhưng không có xác nhận của Chính quyền địa phương với nội dung “Tôi và vợ tôi qua thời gian chung sống gần ba năm, nhận thấy không hợp nhau hai người đã thỏa thuận ly hôn. Tôi và vợ tôi đã thỏa thuận sẽ không khiếu nại về chuyện hôn nhân của hai người về sau, tôi được quyền thăm con, cấp dưỡng

nuôi con đến 18 tuổi, sẽ không tranh chấp hôn nhân và tài sản của hai người về sau”.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 30/7/2019 người làm chứng bà Phan Thị V, trình bày: Bà là bà ngoại của anh Đinh Văn T, không có mâu thuẫn gì với chị H, anh T. Không nhớ ngày tháng năm anh T, chị H kết hôn, sau khi kết hôn thì vợ chồng anh T ở nhà bà được vài năm, đến khi chị H có thai thì lên Thành phố H làm nên bà không biết vợ chồng anh T có còn sống chung hay không và cũng không rõ anh T, chị H có mâu thuẫn như thế nào nhưng bà có nguyện vọng hai cháu của bà được đoàn tụ, bà và gia đình bà rất thương chị H, vợ chồng anh T có một con chung tên T, sinh năm 2016, bà có gọi điện hỏi thăm cháu T nhưng chị H không nghe điện thoại. Bà không biết vợ chồng anh T có tài sản chung và nợ chung không. Việc chị H làm đơn ly hôn bà hay tin rất buồn nhưng chị H kiên quyết ly hôn thì cũng tùy chị H. Bà nhớ lúc tết năm 2019 vợ chồng chị H có về quê, không rõ vợ chồng mâu thuẫn như thế nào nhưng nhìn thấy anh T, chị H bà rất buồn, vì hai cháu đi làm xa không ở chung với bà. Anh T chung hộ khẩu với bà, khi Tòa án gửi thông báo việc chị H ly hôn thì em ruột của anh T có nhận thay và thông báo lại cho anh T biết nhưng do anh T đi làm xa nên không về được. Ngoài ra, bà không trình bày gì thêm.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 31/7/2019 và tại phiên tòa người làm chứng bà Trần Thị H, trình bày: Bà là mẹ ruột chị H, mẹ vợ anh T. Bà không có mâu thuẫn với chị H, anh T. Chị H, anh T cưới nhau năm 2016, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã 2. Hôn nhân do tự tìm hiểu trước, thời gian đầu chung sống hạnh phúc. Sau khi cưới vợ chồng chị H sống bên gia đình anh T đến khi chị H mang thai cháu T thì lên Thành phố H làm và sống chung nhà với vợ chồng bà. Bà chứng kiến chị H, anh T thường xuyên cự cãi nhau. Nguyên nhân người đi làm về sớm, người thì về trễ, khi chị H đi làm về trễ thì anh T nói chị H đi chơi nên hai bên cãi nhau. Ngoài ra, anh T thường uống rượu say, không lo làm ăn, ít quan tâm vợ con. Trong thời gian đó, anh T dọn ra ngoài ở riêng hai lần, lần thứ nhất chị Hg có khuyên thì anh T về, còn lần thứ hai là khoảng tháng 03/2019 anh T dọn ra ngoài ở và không về nữa cho đến nay. Theo bà, vợ chồng chị H hiện không thể hàn gắn tình cảm được vì trong thời gian không sống chung thì anh T không gặp chị H để hàn gắn tình cảm và thời gian gần đây thì gọi điện thoại đe dọa đủ thứ. Việc chị H muốn hàn gắn tình cảm với anh T để vợ chồng đoàn tụ hay quyết định ly hôn thì quyền quyết định là của chị H, bà không thể quyết định hay có ý kiến gì. Chị H và anh T chung sống có một con chung là Đinh Văn T, sinh ngày 09/8/2016, hiện cháu T đang sống với chị H và vợ chồng bà. Chị H yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung và tự nguyện không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Hàng ngày bà cũng phụ giúp chị H chăm sóc cháu T. Về tài sản chung thì chị H và anh T đã tự thỏa thuận xong. Về nợ chung: Không có. Ngoài ra, bà không trình bày gì thêm.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Về tố tụng từ khi thụ lý vụ án và quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán thụ lý giải quyết vụ án theo đúng các quy định của pháp luật. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tiến hành đúng trình tự thủ tục tố tụng theo quy định của pháp

luật. Người tham gia tố tụng chấp hành tốt nội quy phiên tòa. Về nội dung: Về hôn nhân: Chị H và anh T cưới nhau có đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình. Chị H cho rằng khoảng tháng 5/2018 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do anh T thường xuyên uống rượu, ít quan tâm gia đình, không lo làm ăn, khi ba mẹ vợ khuyên ngăn thì anh T có thái độ vô lễ. Cũng trong thời gian này anh T đã hai lần dọn ra ở riêng, lần thứ nhất chị H khuyên thì anh T trở về, lần thứ hai thì anh T không về nên vợ chồng sống ly thân đến nay. Riêng, anh T không tham gia tố tụng dù Tòa án đã triệu tập, tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng. Tuy nhiên, anh T có cung cấp cho Tòa án bản cam kết ghi ý kiến ngày 04/6/2019. Nội dung bản cam kết thể hiện: Về hôn nhân: Thống nhất ly hôn với chị H, vì cho rằng không còn hợp nhau. Về con chung: Thống nhất cấp dưỡng nuôi con đến 18 tuổi và không tranh chấp về tài sản. Nhận thấy, tình cảm giữa chị H, anh T không còn, vì giữa chị H và anh T đã có nhiều mâu thuẫn, mặc dù nhiều lần hai anh chị cho nhau cơ hội hàn gắn nhưng không thành, anh T cũng không tham gia các phiên hòa giải cũng như tại phiên Tòa lần thứ nhất và hôm nay anh T đều vắng mặt. Điều đó, cho thấy anh T không có thiện chí để hàn gắn tình cảm với chị H, phù hợp với lời khai của người làm chứng bà H, bà V nên việc chị H yêu cầu ly hôn với anh Đinh Văn T là có cơ sở nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận. Về con chung Đinh Văn T, sinh ngày 09/8/2016 chị H yêu cầu được nuôi dưỡng. Xét thấy, cháu T còn nhỏ và hiện đang sống cùng chị H nên việc chăm sóc và nuôi dưỡng giao cho chị H là phù hợp. Bên cạnh đó, thu nhập của chị H khoảng 10.000.000đ/tháng, trừ các chi phí thì còn khoảng 6.000.000đ - 7.000.000đ đủ để nuôi dưỡng cháu T. Hơn nữa, từ lúc sinh ra đến khi chị H, anh T ly hôn thì cháu T đã sống với chị H, thiết nghĩ môi trường sống đã thích nghi với cháu và anh T cũng không tranh chấp về nuôi con nên yêu cầu được nuôi dưỡng con chung của chị H là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận. Về cấp dưỡng nuôi con thì trong quá trình giải quyết vụ án chị H đã được giải thích nghĩa vụ cấp dưỡng của cha mẹ đối với con theo quy định tại Điều 110 Luật hôn nhân và gia đình nhưng chị H tự nguyện không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con nên không đặt ra xem xét giải quyết. Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình. Tài sản chung chị H trình bày tự thỏa thuận nên không xem xét, nợ chung chị H trình bày: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa và ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Nguyên đơn chị Bùi Thị H có đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện HN yêu cầu giải quyết ly hôn giữa chị và anh Đinh Văn T là tranh chấp về hôn nhân gia đình nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình, khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Bị đơn anh Đinh Văn T, người làm chứng bà Phan Thị V đã được triệu tập họp lệ lần thứ hai để tham dự phiên tòa sơ thẩm nhưng anh T, bà V vắng mặt, không có lý do. Tuy nhiên, bà V đã có lời khai với Tòa án nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh T, bà V theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 2 Điều 229 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân giữa chị Bùi Thị H và anh Đinh Văn T được pháp luật công nhận. Vì, có đăng ký kết hôn, theo giấy chứng nhận kết hôn số 34 ngày 10/5/2016 tại Ủy ban nhân dân xã 2, huyện HN, tỉnh Đ là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Tại phiên tòa chị Bùi Thị H vẫn giữ nguyên yêu cầu được ly hôn với anh Đinh Văn T. Hội đồng xét xử nhận thấy, trong quá trình chung sống chị H cho rằng chị và anh T chung sống thường xuyên cãi nhau do anh T thường xuyên uống rượu, không lo làm ăn và mâu thuẫn chuyện tiền bạc nên chị và anh T không còn sống chung từ đầu năm 2019 cho đến nay, khi anh T ra ở riêng chị và anh T không có gặp để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Hội đồng xét xử đã động viên H hàn gắn tình cảm với anh T nhưng chị H vẫn cương quyết ly hôn. Nhận thấy trong hôn nhân vợ chồng cần phải thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau. Anh T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa sơ thẩm nhưng anh T không đến Tòa án hòa giải với chị H để vợ chồng hàn gắn tình cảm với nhau. Việc anh T gửi “Biên bản cam kết ngày 04.6.2019” thể hiện ý kiến thống nhất ly hôn và giao con chung cho chị H nuôi dưỡng tuy không có xác nhận của Chính quyền địa phương xác nhận anh T là người viết biên bản cam kết ngày 04.6.2019 nhưng người làm chứng bà Phan Thị V là bà ngoại của anh T trình bày việc chị H ly hôn thì tùy chị H quyết định và có thông báo cho anh T biết việc chị H yêu cầu ly hôn nhưng do anh T đi làm xa nên không về được. Điều này, cho thấy anh T không muốn hàn gắn tình cảm với chị H. Đồng thời, người làm chứng bà Trần Thị H là mẹ ruột của chị H trình bày bà chứng kiến chị H, anh T thường xuyên cãi nhau. Cho thấy, hôn nhân giữa chị H và anh T không thể hàn gắn được, mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, việc chị Bùi Thị H yêu cầu ly hôn với anh Đinh Văn T là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị Bùi Thị H được ly hôn với anh Đinh Văn T là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[5] Về việc nuôi con: Hội đồng xét xử nhận thấy hiện con chung Đinh Văn T, sinh ngày 09/8/2016 đang sinh sống ổn định cùng chị H là phù hợp với lời khai của bà V, bà H. Nghĩ nên tiếp tục giao con chung Đinh Văn T cho chị H tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

[6] Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Đinh Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con do chị H tự nguyện không yêu cầu là phù hợp với Điều 5 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[7] Về quyền thăm nom con chung: Sau khi ly hôn, anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Anh T lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì chị H có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của anh T theo quy định tại khoản 3 Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình.

[8] Về tài sản chung: Chị Bùi Thị H trình bày chị và anh T đã tự thỏa thuận xong, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[9] Về nợ chung: Không có nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[10] Đề nghị của Kiểm sát viên nhân dân huyện HN là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật và nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[11] Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc nguyên đơn chị Bùi Thị H chịu 300.000đ tiền án phí ly hôn được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ theo biên lai thu số 0000823 ngày 03/6/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện HN là phù hợp khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 5, khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 2 Điều 229, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81, khoản 3 Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Bùi Thị H. Cho chị Bùi Thị H được ly hôn với anh Đinh Văn T.

2. Về việc nuôi con:

2.1 Giao con chung Đinh Văn T, sinh ngày 09/8/2016 cho chị Bùi Thị H được tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

2.2 Anh Đinh Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con do chị H tự nguyện không yêu cầu.

2.3 Về quyền thăm nom con chung: Sau khi ly hôn, anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Anh T lạm dụng việc thăm nom để

cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì chị H có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của anh T.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Bùi Thị H chịu 300.000đ tiền án phí ly hôn được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ theo biên lai thu số 0000823 ngày 03/6/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện HN.

4. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 20/9/2019) đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện HN;
- Lưu hồ sơ, lưu trữ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(đã ký)

Nguyễn Thị Thùy Dung